

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/01/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

2. Ông **Nguyễn Thanh Cần**

- Thư ký ghi biên bản: Bà **Nguyễn Thị Thành Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 391/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh ĐT.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, chị Phạm Thị M trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Thanh N quen biết và đi đến hôn nhân từ năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn ngày ngày 23/12/2011. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng tôi cũng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 14/7/2012. Do hoàn cảnh khó khăn nên vào năm

2016 vợ chồng tôi lên Bình Dương làm ăn để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Nhưng cũng từ khi lên Bình Dương được vài tháng thì anh N bắt đầu thay đổi tính tình, thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng, đánh đập tôi. Đến tháng 8/2016 anh N tự ý đưa con về quê và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, tôi cũng không được gặp con hơn 02 năm nay.

Nay tôi nhận thấy rằng tôi và anh N không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng được nữa nên nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

Về con: Tôi đồng ý giao con cho anh N được tiếp tục nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có cho ai nợ và cũng không có thiếu nợ ai

* *Bị đơn anh Nguyễn Thanh N*: Mặc dù anh N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn xin ly hôn của chị M nên không có lời khai của anh N tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Thanh N kết hôn là do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2011 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống chị M và anh N đã phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung. Nguyên nhân chính theo chị M trình bày là do anh N thay đổi tính tình, thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng, đánh đập chị. Mâu thuẫn gia đình ngày càng lớn nên từ tháng 8/2016 đến nay hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M xác định không còn tình cảm gì với anh N, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh N nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh N đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án cũng

đã mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng anh N không đến tham dự, chứng tỏ anh N không có thiện chí muốn hòa giải với chị M nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị M.

3. Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 14/7/2012, từ khi anh chị ly thân đến nay thì cháu Như Ý vẫn tiếp tục ở với cha. Theo nội dung trong đơn và tại phiên tòa, chị M đồng ý giao con cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của chị M, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 14/7/2012 cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M.

5. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 27, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 14/7/2012. Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0009256 ngày 10 tháng 12 năm 2018. Chị M không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc